

2024年度 IST・Radialクラス(ILCA4含む)年間成績

氏名	SailNo	前半戦												後半戦												IST Radial個人戦					
		第1回戦		第2回戦		第3回戦		第4回戦		第5回戦		小計	1カット	カット後	第6回戦		第7回戦		第8回戦		第9回戦		第10回戦		小計	1カット	合計	得点		順位	
		3月31日		4月20日		6月30日		7月21日		8月3日					9月28日		10月6日		11月10日		11月16日		12月7日					カット前	カット後		
		順位	得点	順位	得点	順位	得点	順位	得点	順位	得点	得点	得点	得点	順位	得点	順位	得点	順位	得点	順位	得点	得点	得点	得点	得点	得点	順位			
佐藤 潔	214979	運営	3	DNC	2	DNC	9	1	0	1	0	14	9	5	DNC	5	DNC	6	1	0	1	0	運営	3	14	6	8	28	13	1	
高嶋 由紀雄	208226	3	3	DNC	2	DNC	9	2	2	3	3	19	9	10	DNC	5	DNC	6	DNC	12	2	2	DNC	3	28	12	16	47	26	2	
見目 なおこ	173421	11	11	DNC	2	6	6	6	6	5	5	30	11	19	DNC	5	1	0	2	2	3	3	運営	3	13	5	8	43	27	3	
芳野 紀良	114649	5	5	DNC	2	2	2	2	3	3	運営	3	15	5	10	DNC	5	DNC	6	DNC	12	4	4	DNC	3	30	12	18	45	28	4
大和 正幸	168192	7	7	DNC	2	4	4	7	7	運営	3	23	7	16	DNC	5	DNC	6	8	8	運営	3	DNC	3	25	8	17	48	33	5	
平尾 英治	217068	1	0	DNC	2	3	3	4	4	運営	3	12	4	8	DNC	5	DNC	6	DNC	12	DNC	11	DNC	3	37	12	25	49	33	6	
山本 英二	214968	6	6	DNC	2	DNC	9	11	11	6	6	34	11	23	1	0	2	2	6	6	7	7	2	2	17	7	10	51	33	7	
佐々木 健	165806	4	4	DNC	2	DNC	9	DNC	16	4	4	35	16	19	DNC	5	DNC	6	3	3	DNC	11	DNC	3	28	11	17	63	36	8	
横山 和彦	220193	2	2	DNC	2	7	7	10	10	DNC	12	33	12	21	DNC	5	DNC	6	4	4	DNC	11	DNC	3	29	11	18	62	39	9	
阿蘇谷 利光	177437	DNC	14	DNC	2	DNC	9	運営	3	DNC	12	40	14	26	3	3	3	3	9	9	9	9	1	0	24	9	15	64	41	10	
前川 直亨	192864	12	12	DNC	2	DNC	9	運営	3	7	7	33	12	21	2	2	5	5	DNC	12	DNC	11	DNC	3	33	12	21	66	42	11	
米林 豊	207438	9	9	運営	3	5	5	8	8	DNC	12	37	12	25	DNC	5	DNC	6	5	5	5	5	運営	3	24	6	18	61	43	12	
大工 昌也	187429	DNC	14	運営	3	DNC	9	運営	7	2	2	35	14	21	DNC	5	DNC	6	DNC	12	DNC	11	DNC	3	37	12	25	72	46	13	
阿部 幸司	217072	DNC	14	DNC	2	DNC	9	13	13	9	9	47	14	33	DNC	5	4	4	11	11	運営	3	DNC	3	26	11	15	73	48	14	
佐藤 孝郎	196465	8	8	DNC	2	DNC	9	14	14	10	10	43	14	29	DNC	5	DNC	6	10	10	6	6	DNC	3	30	10	20	73	49	15	
武井 竜一郎	177440	DNC	14	DNC	2	DNC	9	5	5	8	8	38	14	24	DNC	5	DNC	6	DNC	12	DNC	11	DNC	3	37	12	25	75	49	16	
目黒 たみを	207439	13	13	1	0	8	8	9	9	DNC	12	42	13	29	DNC	5	DNC	6	7	7	8	8	DNC	3	29	8	21	71	50	17	
田淵 靖浩	207994	DNC	14	DNC	2	1	0	DNC	16	DNC	12	44	16	28	DNC	5	DNC	6	DNC	12	DNC	11	DNC	3	37	12	25	81	53	18	
田口 隆久	206507	10	10	DNC	2	DNC	9	DNC	16	DNC	12	49	16	33	DNC	5	DNC	6	DNC	12	10	10	DNC	3	36	12	24	85	57	19	
齊藤 零	21	DNC	14	DNC	2	DNC	9	12	12	DNC	12	49	14	35	DNC	5	DNC	6	DNC	12	DNC	11	DNC	3	37	12	25	86	60	20	
重松 貴	180027	DNC	14	DNC	2	DNC	9	15	15	11	11	51	15	36	4	4	DNC	6	DNC	12	DNC	11	DNC	3	36	12	24	87	60	21	
欠席	-	DNC	14	DNC	2	DNC	9	DNC	16	DNC	12	53	16	37	DNC	5	DNC	6	DNC	12	DNC	11	DNC	3	37	12	25	90	62	22	

優勝
2位
3位